

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH
- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại liên hệ: 0263 728171 Fax: 0263 866457
- Email: phuoctqt@dhd.com.vn; trusochinh@dhd.com.vn

2. Loại thông tin công bố

- định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty) công bố thông tin về Nghị quyết số 88/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc thông qua dự thảo hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (người có liên quan của Công ty) theo file đính kèm.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại đường dẫn: www.dhd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (để b/c);
- Các PTGD;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng
với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi;

Căn cứ Nghị quyết số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông về việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ Tờ trình số 250/TTr-TĐĐHĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tổng giám đốc Công ty về việc ký kết các hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị về nội dung Tờ trình số 250/TTr-TĐĐHĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tổng giám đốc Công ty về việc ký kết các hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Dự thảo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024.

2. Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H6 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2024.

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Công ty và phù hợp các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐ-HSC-TĐĐHĐ

**Về việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3
Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Văn bản báo giá số 883/TĐĐHĐ-TTĐVSC ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc báo giá gói thầu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 và H6 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2 năm 2024

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Địa chỉ : Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : 0259 3952178 - Fax: 0259 3952179

Mã số thuế : 4500407954

Tài khoản : 4905201002451

Mở tại : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện : Ông Nguyễn Hạnh - Chức vụ: Giám đốc

Bên B: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Địa chỉ : 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại : 0263 3728171 - Fax: 0263 3866457

Mã số thuế : 5800452036

Tài khoản : 115000017003

Mở tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Đàm - Chức vụ: Giám đốc TTĐVSC

(Theo Giấy ủy quyền số 1897/GUQ-TĐĐHĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc ký các văn bản liên quan đến cung cấp dịch vụ kỹ thuật)

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024 như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thời gian, kế hoạch và địa điểm thực hiện

1. Thời gian thực hiện: 90 ngày (Trong năm 2024 theo kế hoạch của Bên A).
2. Địa điểm: Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1.

Điều 3. Hình thức và giá trị hợp đồng

1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
2. Giá trị hợp đồng
 - a) Giá trị trước thuế : **221.355.000 đồng**
 - b) Thuế GTGT 8% : **17.708.400 đồng**
 - c) Giá trị sau thuế : **239.063.400 đồng**

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng.

- d) Chi tiết khối lượng và đơn giá xem Phụ lục đính kèm.
- e) Giá trên chưa bao gồm chi phí vật tư phụ, vật tiêu hao, vật tư thay thế (Bên A cấp).

Điều 4. Hình thức và phương thức thanh toán

1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.
2. Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị quyết toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành công việc và giao nộp cho Bên A hồ sơ thanh toán sau:

- a) Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- b) Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán.
- c) Biên bản thanh lý hợp đồng.
- d) Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
- e) Hóa đơn giá trị gia tăng (Mức thuế giá trị gia tăng VAT tại thời điểm nghiệm thu giá trị quyết toán và xuất hóa đơn theo qui định hiện hành của nhà nước).

3. Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên A

1. Cung cấp cho Bên B các tài liệu kỹ thuật liên quan.
2. Bàn giao thiết bị cho Bên B theo đúng kế hoạch; cung cấp đầy đủ điện năng, ánh sáng, thiết bị nâng hạ phục vụ công tác như trong Điều 1.
3. Thông báo cho Bên B về thời gian bắt đầu dừng các tổ máy và cung cấp các số liệu liên quan đến vận hành các tổ máy.
4. Cung cấp vật tư phụ, vật tư tiêu hao, phụ tùng và thiết bị cần thay thế trong quá trình thực hiện.
5. Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để giám sát chất lượng và khối lượng thực hiện.

6. Phối hợp với Bên B vận hành thử để nghiệm thu.

7. Nghiệm thu công việc hoàn thành và thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4.

Điều 6. Trách nhiệm của của Bên B

1. Chuẩn bị đầy đủ thiết bị thi công và tổ chức lực lượng để thực hiện công việc nêu tại Điều 1.

2. Công việc thực hiện phải đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

3. Lập nhật ký thi công và lập báo cáo kỹ thuật sau khi hoàn thành.

4. Lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định tại Điều 4.

Điều 7. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Bên B có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho Bên A trong vòng 05 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện của hạng mục đó sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

1. Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp hoặc báo cáo cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

2. Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Tòa kinh tế của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Quyết định của Tòa kinh tế được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi chi phí.

Điều 9. Tạm dừng và hủy hợp đồng

1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng

a) Hợp đồng có thể bị tạm dừng trong trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

b) Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại tạm dừng hợp đồng do hai Bên thỏa thuận để khắc phục.

2. Hủy hợp đồng

a) Hợp đồng này được hủy bỏ hoặc kết thúc trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Bất khả kháng do dịch bệnh, thiên tai và chiến tranh làm cho hợp đồng không thể thực hiện được, mặc dù hai Bên đã áp dụng mọi biện pháp khắc phục nhưng không thành công.

- Hai Bên hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp không thể tiếp tục thực hiện do một Bên vi phạm hợp đồng dẫn tới thiệt hại kinh tế nghiêm trọng cho Bên kia. Trong trường hợp một Bên không có khả năng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận thì trước 15 ngày phải thông báo cho Bên kia biết lý do việc không thực hiện trách nhiệm của mình. Những thiệt hại kinh tế do sự chậm trễ hoặc không có khả năng thực hiện hợp đồng của một Bên thì Bên gây ra sẽ phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại.

b) Bên A có quyền hủy bỏ hợp đồng và thông báo cho Bên B chậm nhất là 15 ngày nếu xảy ra một trong các điều kiện sau:

- Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót và chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó.

- Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Nếu Bên B tự ý chấm dứt hợp đồng.

c) Bên B có quyền hủy hợp đồng hoặc một phần hợp đồng nếu xảy ra một trong các điều kiện sau:

- Tài liệu kỹ thuật do Bên A cung cấp không đủ thông tin tối thiểu theo yêu cầu của Bên B để Bên B tiến hành thực hiện công việc theo hợp đồng.

- Bên A không tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện hợp đồng.

d) Các trường hợp khác được hai Bên thỏa thuận bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

e) Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng: Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày hợp đồng được chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B các khoản chi phí của các hạng mục do Bên B hoàn thành trước ngày chấm dứt hợp đồng.

Điều 10. Điều khoản chung

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng và hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.

2. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TTDVSC

Nguyễn Hạnh

Nguyễn Quang Đàm

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
Về việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3
Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024
(Đính kèm Hợp đồng số /2024/HĐ-HSC-TĐĐHD ngày / /2024)

STT	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Phần thiết bị cơ khí				
1	Đo đạc làm dấu, lấy số liệu trước khi KTBD	Tổ máy	1	961.000	961.000
2	Kiểm tra buồng xoắn, BXCT, cánh hướng, van phá chân không				
2.1	Kiểm tra buồng xoắn	Tổ máy	1	3.423.000	3.423.000
2.2	Kiểm tra Bán xe công tác	Tổ máy	1	8.171.000	8.171.000
2.3	Kiểm tra hệ thống cánh hướng,	Tổ máy	1	8.639.000	8.639.000
2.4	Kiểm tra van phá chân không	Tổ máy	1	1.890.000	1.890.000
2.5	Kiểm tra chèn kín trục turbine	Tổ máy	1	2.689.000	2.689.000
2.6	Kiểm tra côn hút	Tổ máy	1	1.405.000	1.405.000
3	Kiểm tra hệ thống gói trục tổ máy				
3.1	Kiểm tra hệ thống gói trục OHT	Tổ máy	1	13.264.000	13.264.000
3.2	Kiểm tra hệ thống gói trục OHD	Tổ máy	1	11.125.000	11.125.000
3.3	Kiểm tra hệ thống gói trục OHTB	Tổ máy	1	11.125.000	11.125.000
3.4	Kiểm tra trục máy và các bulông kết nối trục	Tổ máy	1	5.135.000	5.135.000
4	Kiểm tra hệ thống nước làm mát	Tổ máy	1	5.492.000	5.492.000
5	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống	1	3.541.000	3.541.000
6	Kiểm tra hệ thống thắng, khí nén và bơm dầu nâng trục	Tổ máy	1	6.267.000	6.267.000
7	Kiểm tra hệ thống dầu điều tốc	Tổ máy	1	8.775.000	8.775.000
8	Kiểm tra thiết bị tời				
8.1	Kiểm tra thiết bị tời Cửa nhận nước	Hệ thống	1	6.751.000	6.751.000
8.2	Kiểm tra thiết bị tời Cửa hạ lưu	Hệ thống	1	6.751.000	6.751.000
II	Phần thiết bị điện				

STT	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy phát điện, cáp máy phát, Trung tính máy phát	Tổ máy	1	19.372.000	19.372.000
2	Kiểm tra các động cơ phụ dịch (Bơm dầu điều tốc, bơm nước làm mát, khí nén, bơm tiêu)	Tổ máy	1	7.254.000	7.254.000
3	Kiểm tra thiết bị dãn 6,3kV (Máy cắt, TC, PT, CT 6,3kV)	Hệ thống	1	7.184.000	7.184.000
4	Máy biến áp kích từ, MBA tự dùng, cáp lực cao, hạ áp	Máy	2	5.304.000	10.608.000
5	Kiểm tra các động cơ tời nâng Cửa nhận nước, Cửa sửa chữa, Cửa hạ lưu	Hệ thống	3	3.627.000	10.881.000
III	Phần thiết bị điều khiển				
1	Hệ thống relay bảo vệ	Hệ thống	1	10.148.000	10.148.000
2	Hệ thống kích từ	Hệ thống	1	6.443.000	6.443.000
3	Hệ thống điều tốc	Hệ thống	1	8.971.000	8.971.000
4	Hệ thống máy cắt, PT, CT 6,3kV	Hệ thống	1	2.213.000	2.213.000
5	Hệ thống nước kỹ thuật	Hệ thống	1	2.213.000	2.213.000
6	Hệ thống kiểm nhiệt và mạch thẳng	Hệ thống	1	2.271.000	2.271.000
7	Hệ thống tự dùng DC, AC	Hệ thống	1	10.497.000	10.497.000
8	Máy phát điện (Hệ thống điều khiển)	Hệ thống	1	5.577.000	5.577.000
9	Kiểm tra thiết bị Cửa nhận nước, Cửa hạ lưu	Hệ thống	2	1.908.000	3.816.000
10	Thử fault	Hệ thống	1	3.865.000	3.865.000
11	Chạy máy hòa lưới mang tải	Tổ máy	1	4.638.000	4.638.000
	Giá trị trước thuế				221.355.000
	Thuế GTGT (8%)				17.708.400
	Giá trị sau thuế GTGT (8%)				239.063.400

(Bảng tiền: Hai trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐ-HSC-TĐĐHĐ

**Về việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H6
Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2024**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Văn bản báo giá số 883/TĐĐHĐ-TTĐVSC ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc báo giá gói thầu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 và H6 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2 năm 2024

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Địa chỉ : Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : 0259 3952178 - Fax: 0259 3952179

Mã số thuế : 4500407954

Tài khoản : 4905201002451

Mở tại : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện : Ông Nguyễn Hạnh - Chức vụ: Giám đốc

Bên B: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Địa chỉ : 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại : 0263 3728171 - Fax: 0263 3866457

Mã số thuế : 5800452036

Tài khoản : 115000017003

Mở tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Đàm - Chức vụ: Giám đốc TTĐVSC

(Theo Giấy ủy quyền số 1897/GUQ-TĐĐHĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc ký các văn bản liên quan đến cung cấp dịch vụ kỹ thuật)

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H6 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2024 như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thời gian, kế hoạch và địa điểm thực hiện

1. Thời gian thực hiện: 90 ngày (Trong năm 2024 theo kế hoạch của Bên A).
2. Địa điểm: Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1.

Điều 3. Hình thức và giá trị hợp đồng

1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
2. Giá trị hợp đồng
 - a) Giá trị trước thuế : **265.736.000 đồng**
 - b) Thuế GTGT 8% : **21.258.880 đồng**
 - c) Giá trị sau thuế : **286.994.880 đồng**

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng.

- d) Chi tiết khối lượng và đơn giá xem Phụ lục đính kèm.
- e) Giá trên chưa bao gồm chi phí vật tư phụ, vật tiêu hao, vật tư thay thế (Bên A cấp).

Điều 4. Hình thức và phương thức thanh toán

1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.
2. Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị quyết toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành công việc và giao nộp cho Bên A hồ sơ thanh toán sau:

- a) Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- b) Biên bản nghiệm thu giá trị quyết toán.
- c) Biên bản thanh lý hợp đồng.
- d) Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
- e) Hóa đơn giá trị gia tăng (Mức thuế giá trị gia tăng VAT tại thời điểm nghiệm thu giá trị quyết toán và xuất hóa đơn theo qui định hiện hành của nhà nước).

3. Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên A

1. Cung cấp cho Bên B các tài liệu kỹ thuật liên quan.
2. Bàn giao thiết bị cho Bên B theo đúng kế hoạch; cung cấp đầy đủ điện năng, ánh sáng, thiết bị nâng hạ phục vụ công tác như trong Điều 1.
3. Thông báo cho Bên B về thời gian bắt đầu dừng các tổ máy và cung cấp các số liệu liên quan đến vận hành các tổ máy.
4. Cung cấp vật tư phụ, vật tư tiêu hao, phụ tùng và thiết bị cần thay thế trong quá trình thực hiện.
5. Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để giám sát chất lượng và khối lượng thực hiện.

6. Phối hợp với Bên B vận hành thử để nghiệm thu.

7. Nghiệm thu công việc hoàn thành và thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4.

Điều 6. Trách nhiệm của của Bên B

1. Chuẩn bị đầy đủ thiết bị thi công và tổ chức lực lượng để thực hiện công việc nêu tại Điều 1.

2. Công việc thực hiện phải đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

3. Lập nhật ký thi công và lập báo cáo kỹ thuật sau khi hoàn thành.

4. Lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định tại Điều 4.

Điều 7. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Bên B có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho Bên A trong vòng 05 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện của hạng mục đó sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

1. Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp hoặc báo cáo cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

2. Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Tòa kinh tế của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Quyết định của Tòa kinh tế được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi chi phí.

Điều 9. Tạm dừng và hủy hợp đồng

1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng

a) Hợp đồng có thể bị tạm dừng trong trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

b) Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết, trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại tạm dừng hợp đồng do hai Bên thỏa thuận để khắc phục.

2. Hủy hợp đồng

a) Hợp đồng này được hủy bỏ hoặc kết thúc trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Bất khả kháng do dịch bệnh, thiên tai và chiến tranh làm cho hợp đồng không thể thực hiện được, mặc dù hai Bên đã áp dụng mọi biện pháp khắc phục nhưng không thành công.

- Hai Bên hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp không thể tiếp tục thực hiện do một Bên vi phạm hợp đồng dẫn tới thiệt hại kinh tế nghiêm trọng cho Bên kia. Trong trường hợp một Bên không có khả năng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận thì trước 15 ngày phải thông báo cho Bên kia biết lý do việc không thực hiện trách nhiệm của mình. Những thiệt hại kinh tế do sự chậm trễ hoặc không có khả năng thực hiện hợp đồng của một Bên thì Bên gây ra sẽ phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại.

b) Bên A có quyền hủy bỏ hợp đồng và thông báo cho Bên B chậm nhất là 15 ngày nếu xảy ra một trong các điều kiện sau:

- Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót và chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó.

- Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Nếu Bên B tự ý chấm dứt hợp đồng.

c) Bên B có quyền hủy hợp đồng hoặc một phần hợp đồng nếu xảy ra một trong các điều kiện sau:

- Tài liệu kỹ thuật do Bên A cung cấp không đủ thông tin tối thiểu theo yêu cầu của Bên B để Bên B tiến hành thực hiện công việc theo hợp đồng.

- Bên A không tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện hợp đồng.

d) Các trường hợp khác được hai Bên thỏa thuận bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

e) Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng: Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày hợp đồng được chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B các khoản chi phí của các hạng mục do Bên B hoàn thành trước ngày chấm dứt hợp đồng.

Điều 10. Điều khoản chung

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng và hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.

2. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TTDVSC

Nguyễn Hạnh

Nguyễn Quang Đàm

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
Về việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H6
Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2024
(Đính kèm Hợp đồng số /2024/HĐ-HSC-TĐĐHD ngày / /2024)

STT	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Phần thiết bị cơ khí				
1	Đo đặc làm dầu, lấy số liệu trước khi kiểm tra bảo dưỡng	Tổ máy	1	961.000	961.000
2	Kiểm tra buồng xoắn, Bánh xe công tác, cánh hướng, van phá chân không				
2.1	Kiểm tra buồng xoắn	Tổ máy	1	3.423.000	3.423.000
2.2	Kiểm tra Bánh xe công tác	Tổ máy	1	8.171.000	8.171.000
2.3	Kiểm tra cánh hướng	Tổ máy	1	8.639.000	8.639.000
2.4	Kiểm tra van phá chân không	Tổ máy	1	1.890.000	1.890.000
2.5	Kiểm tra chèn kín trục turbine	Tổ máy	1	2.689.000	2.689.000
2.6	Kiểm tra côn hút	Tổ máy	1	1.405.000	1.405.000
3	Kiểm tra hệ thống gói trục tổ máy				
3.1	Kiểm tra hệ thống gói trục OHT	Tổ máy	1	13.264.000	13.264.000
3.2	Kiểm tra hệ thống gói trục OHD	Tổ máy	1	11.125.000	11.125.000
3.3	Kiểm tra hệ thống gói trục OHTB	Tổ máy	1	11.125.000	11.125.000
3.4	Kiểm tra trục máy và các bulong kết nối trục	Tổ máy	1	5.135.000	5.135.000
4	Kiểm tra hệ thống nước làm mát	Tổ máy	1	7.204.000	7.204.000
5	Hệ thống tiêu thoát nước	Hệ thống	1	3.541.000	3.541.000
6	Kiểm tra hệ thống thắng, khí nén và bơm dầu nâng trục	Tổ máy	1	8.135.000	8.135.000
7	Kiểm tra hệ thống dầu điều tốc	Tổ máy	1	8.775.000	8.775.000
8	Kiểm tra thiết bị tời				
8.1	Kiểm tra thiết bị tời Cửa nhận nước	Hệ thống	1	6.751.000	6.751.000
8.2	Kiểm tra thiết bị tời Cửa hạ lưu	Hệ thống	1	6.751.000	6.751.000
II	Phần thiết bị điện				
1	Máy phát điện, cáp máy phát, Trung tính Máy phát	Tổ máy	1	19.372.000	19.372.000
2	Kiểm tra các động cơ phụ dịch (Bơm dầu điều tốc, bơm nước làm mát, bơm nâng trục, khí nén, bơm tiêu)	Tổ máy	1	7.254.000	7.254.000
3	Kiểm tra thiết bị dàn 6,3kV (TC, PT, CT, DCL, DND 6,3kV)	Tổ máy	1	7.184.000	7.184.000
4	Máy biến áp kích từ, Máy biến áp tự dòng, cáp lực cao, hạ áp	Máy	2	5.304.000	10.608.000
5	Máy biến áp chính 6T (3,2MVA), cáp lực 22/6,3kV	Máy	1	14.150.000	14.150.000
6	Kiểm tra máy cắt, DTĐ, PT, CT 22kV	Hệ thống	1	16.167.000	16.167.000

STT	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
7	Kiểm tra các động cơ tời nâng Cầu trục gian máy, Cửa nhận nước, Cửa sửa chữa, Cửa hạ lưu				
7.1	<i>Kiểm tra các động cơ cầu trục gian máy</i>	Hệ thống	1	6.458.000	6.458.000
7.2	<i>Kiểm tra các động cơ tời nâng, Cửa nhận nước, Cửa sửa chữa, Cửa hạ lưu</i>	Hệ thống	3	4.483.000	13.449.000
III	Phần thiết bị điều khiển				
1	Hệ thống relay bảo vệ	Hệ thống	1	8.099.000	8.099.000
2	Hệ thống kích từ	Hệ thống	1	6.247.000	6.247.000
3	Hệ thống điều tốc	Hệ thống	1	8.267.000	8.267.000
4	Hệ thống PT, CT 6,3kV	Hệ thống	1	1.810.000	1.810.000
5	Hệ thống máy cắt, TC, PT, CT 22kV	Hệ thống	1	5.528.000	5.528.000
6	Hệ thống nước kỹ thuật	Hệ thống	1	2.213.000	2.213.000
7	Hệ thống kiểm nhiệt và mạch thẳng	Hệ thống	1	2.271.000	2.271.000
8	Hệ thống tự dừng DC, AC	Hệ thống	1	10.104.000	10.104.000
9	Máy phát điện (Hệ thống điều khiển)	Hệ thống	1	5.282.000	5.282.000
10	Kiểm tra thiết bị Cửa nhận nước, Cửa hạ lưu	Hệ thống	2	1.908.000	3.816.000
11	Thử fault	Tổ máy	1	4.015.000	4.015.000
12	Chạy máy hòa lưới mang tải	Tổ máy	1	4.458.000	4.458.000
	Giá trị trước thuế				265.736.000
	Thuế GTGT (8%)				21.258.880
	Giá trị sau thuế GTGT (8%)				286.994.880

(Bằng tiền: Hai trăm tám mươi sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng)